

**I. Thông tin chung**

Học phần: <b>Quản trị ngân hàng</b>	Số tín chỉ: 3
Mã học phần: (71FINC40203)	Mã nhóm lớp học phần: 232_71FINC40203_01
Thời gian làm bài: <b>60 phút</b>	Hình thức thi: <b>Trắc nghiệm kết hợp tự luận</b>
SV được tham khảo tài liệu:	Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/>
Giảng viên nộp đề thi, đáp án	Lần 1 <input checked="" type="checkbox"/> Lần 2 <input type="checkbox"/>

**II. Các yêu cầu của đề thi nhằm đáp ứng CLO**

(phần này phải phối hợp với thông tin từ đề cương chi tiết của học phần)

Ký hiệu CLO	Nội dung CLO	Hình thức đánh giá	Trọng số CLO trong thành phần đánh giá (%)	Câu hỏi thi số	Điểm số tối đa	Lấy dữ liệu đo lường mức đạt PLO/PI
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CLO1	Áp dụng các kiến thức về tài chính, ngân hàng để xây dựng chiến lược hoạt động của ngân hàng thương mại.	Trắc nghiệm	75%	1-30	7.5	R,M
CLO2	Đánh giá các yếu tố liên quan đến việc ra quyết định điều hành của nhà quản trị.					
CLO3	Xác định các giải pháp quản trị hiệu quả hoạt động kinh doanh ngân hàng.					
CLO4	Vận dụng tư duy phản biện phân tích, đánh giá và đưa ra kết luận hợp lý về các vấn đề thực tiễn trong quản trị trong NHTM.	Tự luận	25%	Câu 1, 2	2.5	R,M

**I. Thông tin chung**

Học phần: <b>Quản trị ngân hàng</b>	Số tín chỉ: 3
Mã học phần: (71FINC40203)	Mã nhóm lớp học phần: 232_71FINC40203_01
Thời gian làm bài: <b>60 phút</b>	Hình thức thi: <b>Trắc nghiệm kết hợp tự luận</b>
SV được tham khảo tài liệu:	Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/>
Giảng viên nộp đề thi, đáp án	Lần 1 <input checked="" type="checkbox"/> Lần 2 <input type="checkbox"/>

**II. Nội dung câu hỏi thi:****PHẦN TRẮC NGHIỆM (7,5 điểm)****Câu 1: Nghiệp vụ nội bảng là?**

- A. Những nghiệp vụ được phản ánh trên bảng cân đối tài sản của ngân hàng.
- B. Những nghiệp vụ tài sản nợ, bao gồm nghiệp vụ huy động vốn, nghiệp vụ vay vốn.
- C. Những nghiệp vụ tài sản có, bao gồm nghiệp vụ cho vay, nghiệp vụ đầu tư.
- D. Những nghiệp vụ mang lại lợi nhuận thể hiện trên bảng báo cáo kết quả kinh doanh của ngân hàng

**ANSWER: A****Câu 2: Nghiệp vụ ngoại bảng là?**

- A. Những nghiệp vụ có phát sinh, nhưng không được thể hiện trên bảng cân đối tài sản của ngân hàng.
- B. Những nghiệp vụ không được phản ánh trên bảng báo cáo kết quả kinh doanh của ngân hàng.
- C. Nghiệp vụ bảo lãnh và hoạt động dịch vụ của ngân hàng.
- D. Nghiệp vụ chiếm tỷ trọng lớn trong hoạt động của ngân hàng

**ANSWER: A****Câu 3: Việc khơi tăng các nguồn vốn huy động để đáp ứng nhu cầu kinh doanh, đồng thời tìm kiếm các lĩnh vực đầu tư có hiệu quả thuộc lĩnh vực nào sau đây trong quản trị ngân hàng?**

- A. Quản trị tài sản nợ - tài sản có.
- B. Quản trị tổng quát.
- C. Quản trị tài chính.
- D. Quản trị kinh doanh.

**ANSWER: A****Câu 4: Việc kiểm soát và hạn chế các loại rủi ro phát sinh cũng như đưa ra các giải pháp xử lý hiệu quả nhất thuộc lĩnh vực nào sau đây trong quản trị ngân hàng?**

- A. Quản trị rủi ro.
- B. Quản trị tổng quát.
- C. Quản trị tài chính.
- D. Quản trị kinh doanh.

**ANSWER: A****Câu 5: Nội dung cơ bản của quy chế về an toàn trong hoạt động kinh doanh của ngân hàng là?**

- A. Quy định về các tỷ lệ, định mức và các điều kiện để đảm bảo an toàn trong hoạt động kinh doanh của ngân hàng.
- B. Quy định về các tỷ lệ để đảm bảo an toàn trong hoạt động kinh doanh của ngân hàng.
- C. Quy định về các điều kiện để đảm bảo an toàn trong hoạt động kinh doanh của ngân hàng.

D. Tất cả đều đúng

**ANSWER: A**

**Câu 6: Trong các chỉ tiêu dưới đây, chỉ tiêu nào đánh giá khả năng tự tài trợ của doanh nghiệp?**

A. Vốn chủ sở hữu/ Tổng tài sản có.

B. Lợi nhuận ròng/ Tổng tài sản có.

C. Doanh thu ròng/ Tổng tài sản có.

D. Lợi nhuận ròng/ Vốn chủ sở hữu.

**ANSWER: A**

**Câu 7: Căn cứ vào vốn tự có để xác định các giới hạn hoạt động nhằm đảm bảo ngân hàng an toàn trong kinh doanh thể hiện chức năng nào của vốn tự có?**

A. Chức năng điều chỉnh.

B. Chức năng kích hoạt.

C. Chức năng vận hành.

D. Tất cả đều đúng.

**ANSWER: A**

**Câu 8: Do mối quan hệ tương hỗ giữa ngân hàng và khách hàng, vốn tự có còn có chức năng nào liên quan để đảm bảo khách hàng không bị mất vốn khi gửi tiền tại ngân hàng?**

A. Chức năng bảo vệ.

B. Chức năng điều chỉnh.

C. Chức năng vận hành.

D. Tất cả đều đúng.

**ANSWER: A**

**Câu 9: Phát biểu nào sau đây là đúng?**

A. Quản trị vốn tự có liên quan đến việc quan tâm các thành phần vốn tự có đảm bảo cho các hoạt động kinh doanh của ngân hàng an toàn và có lãi.

B. Quản trị vốn tự có liên quan đến việc quan tâm các thành phần tài sản nợ đảm bảo cho các hoạt động kinh doanh của ngân hàng an toàn và có lãi.

C. Quản trị vốn tự có liên quan đến việc quan tâm các thành phần tài sản có đảm bảo cho các hoạt động kinh doanh của ngân hàng an toàn và có lãi.

D. Tất cả đều đúng.

**ANSWER: A**

**Câu 10: Phát biểu nào sau đây là đúng?**

A. Những biến động kinh tế dẫn đến khả năng làm xuất hiện nhiều loại rủi ro buộc ngân hàng thương mại phải tăng vốn tự có để tăng cường khả năng bảo vệ.

B. Những biến động kinh tế dẫn đến khả năng làm xuất hiện nhiều loại rủi ro buộc ngân hàng thương mại phải giảm vốn tự có để tăng cường khả năng bảo vệ.

C. Những biến động làm giảm lòng tin của khách hàng buộc ngân hàng thương mại phải giảm vốn tự có để tăng cường khả năng bảo vệ.

D. Tất cả đều đúng.

**ANSWER: A**

**Câu 11: Phát biểu nào sau đây là đúng?**

A. Những giới hạn về cho vay, huy động vốn... buộc ngân hàng thương mại phải tăng vốn tự có để đáp ứng nhu cầu vay (ngày càng tăng) của khách hàng.

B. Những giới hạn về cho vay, huy động vốn... buộc ngân hàng thương mại phải giảm vốn tự có để đáp ứng nhu cầu vay (ngày càng tăng) của khách hàng.

C. Những biến động làm giảm lòng tin của khách hàng buộc ngân hàng thương mại phải giảm vốn tự có để đáp ứng nhu cầu của khách hàng.

D. Tất cả đều đúng.

**ANSWER: A**

**Câu 12: Phát biểu nào dưới đây về quản lý vốn huy động là đúng nhất?**

A. Quản lý quy mô, cơ cấu, quản lý lãi suất chi trả, quản lý kỳ hạn, phân tích tính thanh khoản của nguồn vốn; xác định nguồn vốn dành cho dự trữ.

B. Quản lý quy mô, cơ cấu, quản lý lãi suất chi trả.

C. Quản lý quy mô, cơ cấu, quản lý lãi suất chi trả, quản lý kỳ hạn, phân tích tính thanh khoản của nguồn vốn.

D. Quản lý quy mô, cơ cấu, quản lý lãi suất chi trả, quản lý kỳ hạn.

**ANSWER: A**

**Câu 13: Việc đảm bảo cho ngân hàng thương mại luôn có đủ nguồn vốn để duy trì và phát triển kinh doanh với chi phí hợp lý và đạt hiệu quả cao nhất thuộc về lĩnh vực quản trị nào?**

A. Quản trị tài sản Nợ.

B. Quản trị tài sản Có.

C. Quản trị tài chính.

D. Quản trị vốn tự có.

**ANSWER: A**

**Câu 14: Tổ chức tín dụng không được ..... quá nhiều so với ..... nhằm đảm bảo khả năng chi trả về sau.**

A. huy động vốn / vốn tự có.

B. cấp vốn tự có / nguồn huy động vốn.

C. huy động vốn / nguồn vốn đi vay.

D. cấp tín dụng / huy động vốn ngắn hạn.

**ANSWER: A**

**Câu 15: Đặc điểm của tài khoản tiền gửi không kỳ hạn là?**

A. Để lại rủi ro cao khi ngân hàng thương mại sử dụng làm nguồn vốn kinh doanh.

B. Khách hàng có nhu cầu rút tiền phải báo trước với ngân hàng thương mại.

C. Khai thác nguồn vốn kinh doanh trong xã hội từ các tổ chức kinh tế và dân cư.

D. Tất cả đều sai.

**ANSWER: A**

**Câu 16: Đặc điểm của tài khoản vãng lai là?**

A. Thường áp dụng cho khách hàng có uy tín, ngân hàng có thể cho thấu chi đến hạn mức phù hợp.

B. Là công cụ riêng có của ngân hàng thương mại ở tầm vĩ mô.

C. Dựa trên hợp đồng tài khoản tiền gửi thanh toán.

D. Tất cả đều sai.

**ANSWER: A**

**Câu 17: Đối với các tài khoản ..... thì mục đích của người gửi là để hưởng .....**

A. phí giao dịch / lợi tức.

B. vãng lai / phí giao dịch thấp.

C. thanh toán / lợi tức.

D. phí giao dịch / phí giao dịch thấp.

**ANSWER: A**

**Câu 18: Các thành phần của tài sản Nợ gồm có:**

A. Tất cả đều đúng.

- B. Các tài khoản phi giao dịch, vay ngắn hạn qua hợp đồng mua lại, Bán và chứng khoán hóa các khoản cho vay.
- C. Huy động vốn qua việc phát triển các tài khoản hỗn hợp, vay thị trường đô la Châu Âu.
- D. Các tài khoản giao dịch, phát hành các giấy nợ để huy động vốn, vay vốn trên thị trường tiền tệ, Vốn chiếm dụng.

**ANSWER: A**

**Câu 19: Dự trữ của ngân hàng thương mại bao gồm các khoản nào?**

- A. Tiền mặt tại quỹ của các ngân hàng thương mại và các loại tiền gửi của ngân hàng thương mại tại NHTW.
- B. Tiền mặt tại quỹ
- C. Tiền gửi tại ngân hàng trung ương
- D. Tiền gửi thanh toán của ngân hàng thương mại

**ANSWER: A**

**Câu 20: Lý do tại sao ngân hàng thương mại phải quản lý vốn chủ sở hữu?**

- A. Tất cả đều đúng.
- B. Tránh sự phá sản của ngân hàng thương mại.
- C. Đảm bảo tỷ lệ an toàn theo pháp luật quy định.
- D. Đảm bảo tỷ lệ sinh lời hợp lý cho các cổ đông.

**ANSWER: A**

**Câu 21: Mục đích tại sao ngân hàng thương mại phải quản lý tài sản Có?**

- A. Nhằm mục đích tối đa hóa lợi nhuận và giảm thiểu rủi ro, có tài sản dự phòng thanh khoản hợp lý.
- B. Đảm bảo cân đối nguồn vốn và sử dụng vốn.
- C. Nhằm mục đích tối đa hóa lợi nhuận.
- D. Có tài sản dự phòng thanh khoản hợp lý.

**ANSWER: A**

**Câu 22: Danh mục tín dụng của ngân hàng được cấu thành bởi các loại hình tín dụng nào?**

- A. Cho vay / chiết khấu giấy tờ có giá / bao thanh toán / bảo lãnh / cho thuê tài chính.
- B. Cho vay / chiết khấu giấy tờ có giá / bao thanh toán / bảo lãnh.
- C. Cho vay / chiết khấu giấy tờ có giá / bao thanh toán.
- D. Chiết khấu giấy tờ có giá / bao thanh toán / bảo lãnh / cho thuê tài chính.

**ANSWER: A**

**Câu 23: Để phòng tránh rủi ro tín dụng các ngân hàng thương mại thường sử dụng biện pháp nào?**

- A. Đa dạng hóa danh mục đầu tư và đánh giá phân loại khách hàng, đầu tư có trọng điểm.
- B. Đa dạng hóa danh mục đầu tư
- C. Trích lập dự phòng rủi ro
- D. Giới hạn cấp tín dụng

**ANSWER: A**

**Câu 24: Rủi ro tín dụng trong kinh doanh của ngân hàng được hiểu là?**

- A. Các khoản cho vay, bảo lãnh và các hoạt động tín dụng khác gây tổn thất cho ngân hàng thương mại.
- B. Các khoản cho vay của ngân hàng thương mại không thu được nợ.
- C. Rủi ro trong hoạt động kinh doanh của ngân hàng.
- D. Tất cả đều sai.

**ANSWER: A**

**Câu 25: Nguyên tắc xác định doanh thu và chi phí là?**

- A. Mọi khoản thu chi, phát sinh trong kỳ phải có chứng từ hợp lệ, hợp pháp.
- B. Mọi khoản thu chi, phát sinh trong kỳ.
- C. Mọi khoản thu chi phải có chứng từ hợp lệ, hợp pháp.
- D. Mọi khoản kinh doanh, phát sinh trong kỳ phải có chứng từ hợp lệ, hợp pháp.

**ANSWER: A**

**Câu 26: Ý nghĩa của Tỷ lệ thu nhập trên vốn chủ sở hữu (ROE) là?**

- A. Với một đồng vốn tự có, ngân hàng thương mại tạo ra bao nhiêu đồng lợi nhuận.
- B. Với một đồng vốn huy động, ngân hàng thương mại tạo ra bao nhiêu đồng lợi nhuận.
- C. Với một đồng vốn đi vay, ngân hàng thương mại tạo ra bao nhiêu đồng lợi nhuận.
- D. Tất cả đều sai

**ANSWER: A**

**Câu 27: Việc đánh giá chất lượng của công tác quản lý tài sản có dựa trên tỷ lệ nào sau đây?**

- A. Tỷ lệ thu nhập trên tổng tài sản (ROA).
- B. Chênh lệch lãi suất bình quân.
- C. Tỷ lệ hiệu suất sử dụng TSCĐ.
- D. Chỉ tiêu tỷ suất doanh lợi

**ANSWER: A**

**Câu 28: Việc đánh giá hiệu quả hoạt động trung gian tín dụng (hiệu quả của hoạt động huy động vốn và cho vay trong ngân hàng thương mại) dựa trên tỷ lệ nào sau đây?**

- A. Chênh lệch lãi suất bình quân.
- B. Tỷ lệ thu nhập trên tổng tài sản (ROA).
- C. Tỷ lệ hiệu suất sử dụng TSCĐ.
- D. Chỉ tiêu tỷ suất doanh lợi

**ANSWER: A**

**Câu 29: Việc đánh giá mức độ sử dụng tài sản để tạo ra thu nhập trong ngân hàng thương mại cao hay thấp dựa trên tỷ lệ nào sau đây?**

- A. Tỷ lệ tài sản sinh lời.
- B. Tỷ lệ thu nhập trên tổng tài sản (ROA).
- C. Chênh lệch lãi suất bình quân.
- D. Chỉ tiêu tỷ suất doanh lợi

**ANSWER: A**

**Câu 30: Doanh thu của Tổ chức tín dụng bao gồm?**

- A. Thu từ hoạt động kinh doanh và thu khác.
- B. Thu khác.
- C. Thu từ hoạt động kinh doanh.
- D. Quỹ dự phòng chung.

**ANSWER: A**

**Phần II (2.5 điểm)**

**Câu 1: Trình bày các chức năng quản trị ngân hàng (1.0 điểm)**

**Đáp án câu 1: (mỗi chức năng được 0.2 điểm)**

*Thứ nhất, Chức năng hoạch định: Là chức năng đầu tiên trong quản trị bao gồm các công việc: xác định mục tiêu, xây dựng chiến lược tổng thể, thiết lập một hệ thống các kế*

hoạch để phối hợp các hoạt động. Hoạch định liên quan đến dự báo và tiên liệu tương lai, những mục tiêu cần đạt được và những phương thức để đạt được mục tiêu đó. Nếu không lập kế hoạch thận trọng và đúng đắn thì dễ dẫn đến thất bại trong quản trị.

*Thứ hai, Chức năng tổ chức:* Đây là chức năng thiết kế cơ cấu, tổ chức công việc và tổ chức nhân sự cho một tổ chức. Công việc này bao gồm: xác định những việc phải làm, người nào phải làm, phối hợp hoạt động ra sao, bộ phận nào được hình thành, quan hệ giữa các bộ phận được thiết lập thế nào và hệ thống quyền hành trong tổ chức đó được thiết lập ra sao? Tổ chức đúng đắn sẽ tạo nên môi trường nội bộ thuận lợi thúc đẩy hoạt động đạt mục tiêu, tổ chức kém thì NH sẽ thất bại, dù hoạch định tốt. Một NH chỉ có thể vận hành trơn tru nếu có một cơ cấu tổ chức tốt. Cơ cấu tổ chức tốt cùng với việc thực hiện các chức năng và nhiệm vụ đúng với tầm nhìn là điều tối quan trọng đối với NH.

*Thứ ba, Chức năng lãnh đạo:* Một tổ chức bao giờ cũng gồm nhiều người, mỗi một cá nhân có cá tính riêng, hoàn cảnh riêng và vị trí khác nhau. Nhiệm vụ của lãnh đạo là phải biết động cơ và hành vi của những người dưới quyền, biết cách động viên, điều khiển, lãnh đạo những người khác, chọn lọc những phong cách lãnh đạo phù hợp với những đối tượng và hoàn cảnh cùng sở trường của người lãnh đạo, nhằm giải quyết các xung đột giữa các thành phần, thắng được sức ỳ của các thành viên trước những thay đổi. Lãnh đạo xuất sắc có khả năng đưa NH đến thành công dù kế hoạch và tổ chức chưa thật tốt, nhưng sẽ chắc chắn thất bại nếu lãnh đạo kém. Một nhà quản lý sáng suốt là người luôn giao tiếp cởi mở, truyền đạt trung thực và rõ ràng và thường xuyên xem xét và thảo luận kỹ các quyết định chỉ đạo của mình cùng các cố vấn.

*Thứ tư, Chức năng phối hợp:* Khi tất cả các hoạt động được phối hợp thực hiện một cách ăn ý và nhuần nhuyễn, NH cũng sẽ vận hành hiệu quả hơn. Ảnh hưởng tích cực từ thái độ và cách ứng xử của nhân viên đóng vai trò rất quan trọng trong việc phối hợp giữa các phòng ban. Vì vậy, mục tiêu của chức năng điều phối trong quản trị NH là khuyến khích, tạo động lực, vừa duy trì kỷ luật NH, vừa tạo không khí thoải mái trong các phòng ban. Để thực hiện tốt chức năng điều phối đòi hỏi khả năng lãnh đạo cũng như sự trung thực, cởi mở trong giao tiếp, liên lạc nội bộ. Thông qua quản trị cách ứng xử và phối hợp hoạt động của nhân sự, NH mới có thể đạt được mục tiêu đặt ra.

*Thứ năm, Chức năng kiểm tra:* Là quá trình giám sát chủ động đối với công việc của một tổ chức, so sánh với tiêu chuẩn đề ra và điều chỉnh khi cần thiết. Quá trình kiểm soát là quá trình tự điều chỉnh liên tục và thường diễn ra theo chu kỳ. Bằng cách thường xuyên theo

đổi tình hình hoạt động của NH, nhà quản trị mới có thể biết được liệu NH có đang vận hành đúng theo kế hoạch và mục tiêu đề ra hay không. Sau khi đã đề ra những mục tiêu, xác định những kế hoạch, vạch rõ việc xếp đặt cơ cấu, tuyển dụng, huấn luyện và động viên nhân sự, công việc còn lại vẫn còn có thể thất bại nếu không kiểm tra.

**Câu 2: (1.5 điểm)** Giả sử Ngân hàng Thương mại Cổ phần ABC trong tuần giao dịch có dòng tiền vào và ra như sau:

- Số tiền gửi bị rút ra là 33 tỷ đồng;
- Doanh số thu hồi nợ vay của khách hàng là 108 tỷ đồng;
- Chi tiền cho chi phí hoạt động là 51 tỷ đồng;
- Doanh số cho vay phát sinh là 294 tỷ đồng;
- NH dự kiến thanh lý một số tài sản trị giá 18 tỷ đồng, thu tiền ngay;
- Doanh số tiền gửi mới là 670 tỷ đồng;
- NH dự định vay trên thị trường liên NH 43 tỷ đồng;
- Thu nhập từ dịch vụ phi lãi là 27 tỷ đồng;
- Doanh số thu nợ trên thị trường liên NH là 23 tỷ đồng;
- Thanh toán cổ tức cho cổ đông 140 tỷ đồng.

Hãy tính:

- Cung thanh khoản trong tuần của ngân hàng (0.5 điểm)?
- Cầu thanh khoản trong tuần của ngân hàng (0.5 điểm)?
- Trạng thái thanh khoản ròng của ngân hàng trong tuần (0.25 điểm)?
- Ngân hàng cần làm gì với trạng thái thanh khoản ròng trên? (0.25 điểm)?

**Đáp án Câu 2:**

**- Cung thanh khoản** = Doanh số thu hồi nợ vay của khách hàng + NH dự kiến thanh lý một số tài sản + Doanh số tiền gửi mới + NH dự định vay trên thị trường liên NH + Thu nhập từ dịch vụ phi lãi + Doanh số thu nợ trên thị trường liên NH

$\Leftrightarrow$  Cung thanh khoản =  $108 + 18 + 670 + 43 + 27 + 23 = 889$  tỷ. (0.5 đ)

**- Cầu thanh khoản** = Số tiền gửi bị rút ra + Chi tiền cho chi phí hoạt động + Doanh số cho vay phát sinh + Thanh toán cổ tức cho cổ đông

$\Leftrightarrow$  Cầu thanh khoản =  $33 + 51 + 294 + 140 = 518$  tỷ. (0.5 đ)

$\Rightarrow$  **Trạng thái thanh khoản ròng** =  $889 - 518 = 371$  tỷ. (0.25đ)

**Nhà quản trị nên:** mua các chứng khoán dự trữ thứ cấp đã bán ra trước đó, cho vay trên thị trường liên ngân hàng, gửi tiền tại các tổ chức tín dụng khác (0.25đ)



Ngày biên soạn: 9/03/2024

**Giảng viên biên soạn đề thi: TS Mai Thị Phương Thùy**



Ngày kiểm duyệt: 9/03/2024

**Trưởng (Phó) Khoa/Bộ môn kiểm duyệt đề thi:**

**TS. Mai Thị Phương Thùy**



- Sau khi kiểm duyệt đề thi, **Trưởng (Phó) Khoa/Bộ môn** gửi về Trung tâm Khảo thí qua email: bao gồm file word và file pdf (được đặt password trên 1 file nén/lần gửi) và nhắn tin password + họ tên GV gửi qua Số điện thoại Thầy Phan Nhật Linh (**0918.01.03.09**).
- Khuyến khích Giảng viên biên soạn và nộp đề thi, đáp án bằng **File Hot Potatoes**. Trung tâm Khảo thí gửi kèm File cài đặt và File hướng dẫn sử dụng để hỗ trợ thêm Quý Thầy Cô.